

VAI TRÒ CỦA RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO NGƯỜI HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

Bùi Hồng Vân
Học viện An ninh Nhân dân

Tóm tắt: Tư duy phản biện (critical thinking) là một trong những kỹ năng quan trọng đối với người học, đặc biệt là người học ngoại ngữ. Tiếng Trung Quốc là một ngôn ngữ mang nhiều đặc điểm độc đáo với chữ tượng hình, ngữ pháp linh hoạt, nên Tư duy phản biện đối với người học tiếng Trung Quốc lại càng quan trọng hơn. Bài báo tập trung làm rõ tầm quan trọng của Tư duy phản biện đối với người học tiếng Trung Quốc - một ngoại ngữ ngày càng phổ biến tại Việt Nam, đồng thời đưa ra một số gợi ý để phát triển Tư duy phản biện cho người học tiếng Trung Quốc.

Từ khóa: Tư duy phản biện; giảng dạy tiếng Trung Quốc

THE ROLE OF DEVELOPING CRITICAL THINKING SKILLS FOR CHINESE LANGUAGE LEARNERS

Abstract: Critical thinking is one of the important skills for learners, especially foreign language learners. Chinese is a language with many unique characteristics, including its pictographic writing system and flexible grammar, making critical thinking even more crucial for Chinese language learners. This article focuses on clarifying the importance of critical thinking for Chinese language learners – a foreign language that is increasingly popular in Vietnam – and offers some suggestions for developing critical thinking skills in Chinese language learners.

Keywords: Critical thinking; Chinese language teaching

Nhận bài: 19/10/2025

Phản biện: 19/11/2025

Duyệt đăng: 23/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc thành thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Trung Quốc, trở thành một lợi thế quan trọng. Tiếng Trung không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn mở ra cơ hội tiếp cận với nền kinh tế, văn hóa và tri thức rộng lớn của thế giới. Tuy nhiên, học ngoại ngữ ngày nay không chỉ dừng lại ở việc ghi nhớ ngữ pháp và từ vựng mà cần rèn luyện các kỹ năng tư duy, đặc biệt là Tư duy phản biện (TDPB).

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm Tư duy Phản biện

Theo Paul và Elder (2014), TDPB là khả năng phân tích, đánh giá và suy luận một cách logic dựa trên bằng chứng. Đối với sinh viên học tiếng Trung, TDPB không chỉ giúp họ tiếp cận ngôn ngữ một cách sâu sắc mà còn hỗ trợ trong việc phân tích các hiện tượng văn hóa, so sánh và đưa ra quan điểm cá nhân.

Việc áp dụng TDPB trong dạy và học ngoại ngữ không phải là mới lạ. Tuy nhiên, để đạt được kết quả cần phải phát triển có chủ định, có sự kiên trì và cần nhiều thời gian. Rèn luyện kỹ năng TDPB chính là rèn luyện các kỹ năng trí tuệ như hiểu biết, phân tích, đánh giá ra quyết định khi giải quyết vấn đề.

2.2. Đặc điểm ngôn ngữ độc đáo của Tiếng Trung Quốc

Thứ nhất, Tiếng Trung là một trong những ngôn ngữ trên thế giới không sử dụng tiếng Latinh. Nó

là loại ngôn ngữ tượng hình ghi ý, thuộc ngữ hệ Hán – Tạng (khác với các ngôn ngữ thuộc hệ Ấn – Âu như tiếng Anh, tiếng Pháp...). Chữ Hán là hệ thống chữ viết tượng hình/ ý thức hệ, bao gồm hơn 4,000 ký tự, mỗi ký tự biểu hiện một ý nghĩa khác nhau. Có khi với một chữ Hán mà chứa đựng trong nó cả một câu chuyện về triết lý nhân sinh.

Ví dụ: Chữ “安” (an) bao gồm bộ “miên” (mái nhà) và “nữ” (phụ nữ), thể hiện ý nghĩa “an yên trong nhà”. Chữ “好” (tốt) gồm bộ “nữ” (phụ nữ) và bộ tử (con cái), thể hiện ý nghĩa người phụ nữ có con cái là chuyện tốt.

Thứ hai, ngữ pháp tiếng trung rất linh hoạt. Động từ trong tiếng Trung luôn giữ nguyên thể trong mọi trường hợp và không cần phải biến đổi theo thì (hiện tại, quá khứ, tiếp diễn, tương lai,...vv) hay theo kính ngữ, mục đích, ý định phức tạp như tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật và nhiều ngôn ngữ khác. Thay vào đó, các trạng từ như “từng”, “đã từng”, “đang”, “sẽ”...vv hay các trạng từ chỉ thời gian như “hôm qua”, “ngày mai”, “tuần trước”, “tháng sau”...sẽ được thêm vào trước hoặc sau động từ nhằm biểu thị mối quan hệ thời gian.

Thứ ba, Khác với tiếng Anh danh từ với sự phân biệt giữa số nhiều và số ít, hay với tiếng Pháp danh từ có sự phân biệt giữa giống đực và giống cái, danh từ trong tiếng Trung vẫn giữ nguyên thể dù chúng ở dạng số nhiều hay số ít và không có

đặc điểm phân biệt đáng kể nào. Ngoài ra, tiếng Trung cũng không có mạo từ. Điều này xuất phát từ đặc điểm loại hình ngôn ngữ khác nhau. Tiếng Anh và phần lớn ngôn ngữ khác thuộc loại hình ngôn ngữ hòa kết, đa âm tiết, còn tiếng Trung và cả tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập.

2.3. Vai trò của TDPB đối với người học tiếng Trung Quốc

Như đã trình bày ở trên, tiếng Trung Quốc mang nhiều đặc điểm ngôn ngữ độc đáo, do đó người học cần trang bị TDPB để tiến hành phân tích (so sánh điểm khác biệt giữa tiếng Trung và tiếng Việt), đánh giá (xem xét tính hợp lý khi sử dụng từ ngữ trong các tình huống cụ thể), sáng tạo (viết các đoạn văn hoặc bài luận mang tính cá nhân, độc đáo). Những ưu điểm mà TDPB mang lại cho người học tiếng Trung Quốc gồm:

TDPB giúp hiểu sâu bản chất của ngôn ngữ

Ngôn ngữ Trung Quốc có hệ thống chữ viết tượng hình khác biệt hoàn toàn so với hệ chữ Latinh. Để học tốt, người học cần TDPB để không chỉ ghi nhớ mặt chữ mà còn phân tích cấu trúc của từng ký tự. Ví dụ, chữ “明” (sáng) được ghép từ “日” (mặt trời) và “月” (mặt trăng), thể hiện ý nghĩa ẩn dụ về sự sáng rõ. Người học có TDPB sẽ tự đặt câu hỏi: “Tại sao các thành phần này lại được kết hợp? Ý nghĩa văn hóa của chúng là gì?” Điều này giúp họ không chỉ ghi nhớ chữ mà còn hiểu sâu hơn về tư duy của người Trung Quốc.

Ngoài ra, tiếng Trung có nhiều từ đồng âm (同音词) nhưng khác nghĩa. Ví dụ, từ “shì” có thể mang nghĩa là “thị” (市 - thành phố), “thức” (试 - thử nghiệm), hoặc “thời” (时 - thời gian) tùy ngữ cảnh. TDPB giúp người học phân tích ngữ cảnh để lựa chọn từ phù hợp, từ đó nâng cao khả năng giao tiếp và đọc hiểu.

TDPB giúp phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề trong giao tiếp

Tiếng Trung có nhiều quy tắc ngữ pháp đơn giản nhưng thường không trực tiếp giống các ngôn ngữ khác. Một ví dụ là cách sử dụng trạng ngữ chỉ thời gian. Trong câu “我昨天去北京” (Tôi hôm qua đi Bắc Kinh), trạng ngữ thời gian “昨天” (hôm qua) phải đứng trước động từ. Điều này có thể gây nhầm lẫn cho người quen với cấu trúc ngôn ngữ khác, chẳng hạn như tiếng Anh. Người học cần TDPB để nhận ra sự khác biệt và đặt câu hỏi: “Tại sao cấu trúc này lại hợp lý trong tiếng Trung?”

Hơn nữa, trong giao tiếp thực tế, người học cần xử lý những tình huống không quen thuộc. Ví dụ, khi nghe một người bản xứ nói nhanh hoặc dùng

từ địa phương, TDPB giúp người học phân tích ngữ cảnh, ngôn ngữ cơ thể và các từ khóa để đoán nghĩa và phản hồi phù hợp.

TDPB giúp người học hiểu và áp dụng văn hóa Trung Quốc trong ngôn ngữ

Tiếng Trung là ngôn ngữ gắn bó chặt chẽ với văn hóa. TDPB giúp người học không chỉ học ngôn ngữ mà còn phân tích các giá trị văn hóa được lồng ghép trong từng từ ngữ. Ví dụ, khái niệm “面子” (mặt mũi, thể diện) không chỉ là từ vựng mà còn phản ánh sâu sắc quan niệm về danh dự trong xã hội Trung Quốc. Người học cần tự hỏi: “Khái niệm này khác gì với quan điểm cá nhân trong văn hóa của mình? Nó ảnh hưởng thế nào đến cách giao tiếp của người Trung Quốc?”

Ngoài ra, các thành ngữ (成语) và tục ngữ cũng chứa đựng nhiều giá trị văn hóa. Thành ngữ “画蛇添足” (vẽ rắn thêm chân) không chỉ là bài học về sự thừa thãi mà còn phản ánh tư duy logic và sự cô đọng trong cách diễn đạt của người Trung Quốc.

2.4. Phương pháp phát triển TDPB cho người học tiếng Trung Quốc

Phát triển TDPB là một trong những kỹ năng quan trọng để học tiếng Trung hiệu quả, đặc biệt khi đối mặt với một ngôn ngữ phức tạp về chữ viết, ngữ pháp và sự khác biệt văn hóa. TDPB giúp người học không chỉ ghi nhớ từ vựng hay ngữ pháp mà còn hiểu sâu và sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt. Các phương pháp phát triển TDPB cho người học bao gồm:

Học cách đặt câu hỏi “Tại sao?” và “Như thế nào?”

Khi học một từ mới hoặc cấu trúc ngữ pháp, người học không nên chỉ ghi nhớ mà cần đặt câu hỏi: “Tại sao nó lại được sử dụng như vậy? Có cách diễn đạt nào khác không?”. Ví dụ, trong tiếng Trung, khi nói về sở thích, người bản xứ thường dùng cấu trúc “我喜欢...” (Tôi thích...). Tuy nhiên, thay vì chỉ ghi nhớ máy móc, hãy đặt câu hỏi: “Có từ nào khác diễn tả sự thích thú không? Cách dùng từ ‘热爱’ (rất yêu thích) khác gì với ‘喜欢’?”. Điều này không chỉ giúp hiểu rõ hơn về sắc thái của từ mà còn mở rộng vốn từ vựng.

Phân tích cấu trúc từ vựng để hiểu ý nghĩa sâu hơn

Thay vì học từ vựng một cách máy móc, người học nên phân tích cấu trúc chữ Hán để nhận ra các quy luật và ý nghĩa ẩn sau. Ví dụ, chữ “好” (tốt) được tạo thành từ “女” (nữ) và “子” (con trai), mang ý nghĩa biểu trưng về hạnh phúc gia đình trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Người học nên tự hỏi: “Tại sao chữ ‘好’ lại được cấu thành như vậy? Có phải nó phản ánh tư duy văn

hóa không?” Qua việc phân tích, người học không chỉ nhớ lâu hơn mà còn hiểu thêm về văn hóa Trung Hoa.

Đặt câu hỏi để tìm hiểu sự khác biệt trong ngữ pháp

Tiếng Trung có nhiều đặc điểm ngữ pháp khác biệt so với tiếng Việt hoặc các ngôn ngữ khác. Ví dụ, trong câu “我昨天去看电影了” (Hôm qua tôi đã đi xem phim), từ “了” được dùng để diễn tả hành động đã hoàn thành. Người học cần đặt câu hỏi: “Tại sao lại cần ‘了’? Nếu không có ‘了’, nghĩa của câu có thay đổi không?” Việc phân tích cách sử dụng từ “了” sẽ giúp người học hiểu rõ hơn về cách diễn đạt thời gian và trạng thái trong tiếng Trung.

Tìm hiểu ngữ cảnh để hiểu từ đồng âm và đa nghĩa

Tiếng Trung có rất nhiều từ đồng âm, như “花” (hoa) và “话” (lời nói), cả hai đều phát âm là “huā”. Để phân biệt, người học cần đặt câu hỏi: “Làm thế nào để biết từ này đang mang nghĩa gì? Ngữ cảnh nào quyết định điều đó?” Ví dụ, trong câu “我喜欢花” (Tôi thích hoa), ngữ cảnh rõ ràng giúp xác định từ “花” là hoa chứ không phải “话”. TDPB giúp người học tránh hiểu sai và sử dụng đúng từ vựng.

Kết nối ngôn ngữ với văn hóa thông qua thành ngữ

Người học nên phân tích các thành ngữ để hiểu rõ hơn về tư duy và giá trị văn hóa của người Trung Quốc. Ví dụ, thành ngữ “画蛇添足” (vẽ rắn thêm chân) mang ý nghĩa làm điều thừa thãi, không cần

thiết. Học thành ngữ này không chỉ giúp mở rộng vốn từ mà còn khuyến khích người học đặt câu hỏi: “Tại sao lại chọn hình ảnh vẽ rắn thêm chân? Nó phản ánh điều gì trong tư duy của người Trung Quốc?” Qua đó, người học không chỉ nhớ từ mà còn hiểu cách ngôn ngữ gắn bó với văn hóa.

Sử dụng phản biện trong giao tiếp thực tế

Trong quá trình luyện tập giao tiếp, người học nên chủ động đặt câu hỏi hoặc mở rộng chủ đề để tạo ra hội thoại phong phú hơn. Ví dụ, nếu người bản xứ hỏi: “你喜欢中国的美食吗?” (Bạn có thích đồ ăn Trung Quốc không?), thay vì trả lời ngắn gọn “喜欢” (Thích), người học có thể hỏi thêm: “你最喜欢哪种中国菜?” (Bạn thích món Trung Quốc nào nhất?). Cách phản biện này không chỉ cải thiện khả năng giao tiếp mà còn giúp người học học thêm từ mới trong bối cảnh thực tế.

III. KẾT LUẬN

Tầm quan trọng của TDPB trong việc phát triển hiệu quả học ngôn ngữ ở người học đã được chứng minh qua nhiều nghiên cứu và khảo sát. Vì vậy, thúc đẩy kỹ năng TDPB cần được xem là một trong những nhiệm vụ của giáo viên dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên, như với bất kỳ kỹ năng nào, TDPB đòi hỏi sự rèn luyện, thực hành và kiên nhẫn thì dần dần người học có thể tự mình suy nghĩ và giải quyết các vấn đề trong học tập và trong thế giới thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, L.W. & Krathwohl, D.R. (Eds) (2000) A taxonomy for learning, teaching and assessing: A revision of Bloom's taxonomy of educational objectives. New York: Longman.
- Michael Michalko (2001), Cẩm nang TDPB khái niệm và công cụ, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Eward Glaser (1951), Nghiên cứu về sự phát triển của Tư duy phản biện, NXB Đại học Columbia.
- Richard Paul – Linda Elder (2015), Cẩm nang tư duy đặt câu hỏi, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
- Trần Thị Vân Thùy (2023), Phát triển tư duy phản biện cho sinh viên ngoại ngữ nhằm nâng cao hiệu quả tiếp thụ ngôn ngữ, Tạp chí khoa học Việt Nam trực tuyến (50-53)